TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 4 - 2022
"V/v: Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Luận**; bà **Nguyễn Thị Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Ly -** Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 105/2022/TLST–HNGĐ ngày 14/3/2022 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1994.

ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn CS, xã TP, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Mai Thành C, sinh năm 1987.

ĐKHKTT: Thôn CL, xã NH, huyện CM, Hà Nội

Hiện anh C đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh VP.

Có mặt: Chị P

Vắng mặt: Anh C - có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2022, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Trần Thị P trình bày**:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mai Thành C tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2019 tại UBND xã NH, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm

sống bất đồng. Sau đó, anh C đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, bị bắt tạm giam từ ngày 13/3/2020 đến nay. Anh C đã bị Tòa án nhân dân tỉnh VP kết án 16 năm tù về tội Buôn lậu. Trong thời gian anh C bị bắt đến nay, chị không lên thăm hỏi cũng không quan tâm đến anh C. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C để ổn định cuộc sống, yên tâm làm ăn.

Về con chung: Chị và anh C không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn – anh Mai Thành C trình bày:** Anh xác nhận anh và chị P có đăng ký kết hôn vào 05/12/2019 tại UBND xã NH, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Do hiện nay anh đang phải đi chấp hành án thời gian dài nên trước yêu cầu xin ly hôn của chị P anh cũng đồng ý ly hôn vì anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện CM giải quyết vắng mặt anh.

Về con chung: Anh và chị P không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – Chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn đề nghị giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, do đang phải đi chấp hành án nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị P, xử cho chị P được ly hôn anh C. Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị P có đơn khởi kiện đối với anh Mai Thành C về việc xin ly hôn nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly

hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn – anh C có hộ khẩu thường trú tại xã NH, huyện CM, Thành phố Hà Nội; anh C hiện đang chấp hành án tại trại tạm giam Công an tỉnh VP; anh C nhất trí việc Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết, nên Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Sự vắng mặt của bị đơn - anh Mai Thành C: Anh C đề nghị Tòa án huyện CM giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của chị Trần Thị P, anh Mai Thành C và tài liệu chị P giao nộp, có đủ cơ sở kết luận: Chị Trần Thị P và anh Mai Thành C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2019 tại UBND xã NH, huyện CM, Thành phố Hà Nội, đã tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P thì thấy: Chị P cho rằng vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau ngay từ khi anh C chưa bị bắt giam, nên trong thời gian anh C bị tạm giam chị đã không thăm hỏi anh C. Anh C cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Như vậy, giữa anh C và chị P mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị P được ly hôn với anh C.

[2.2] Về con chung: Cả chị P và anh C đều xác định vợ chồng không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị P và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271, và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chị Trần Thị P được ly hôn với anh Mai Thành C.

2. Về con chung: Chị Trần Thị P và anh Mai Thành C không có con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị P phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được đối trừ với 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp theo "Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số AA/2020/0075724 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM ngày 09/3/2022.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã NH (Số 73/2019);
- Lưu: Hồ sơ /V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai